

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thúy Phụng**
Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Thanh Tuyết**
Ông **Nguyễn Tuấn Long**

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:*

Ông **Phạm Thị Ánh Tuyết** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*

Ông **Võ Văn Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 136/2017/HSPT ngày 28 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Huyền C và Nguyễn Thị Thanh Đ do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 19/2016/HSST ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Huyền C (Vinh), sinh năm 1962, tại Ninh Hòa, Khánh Hòa; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: tổ dân phố A, phường B, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở: thôn P, xã N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị C (đều đã chết); chồng là Đặng Trần L, sinh năm 1961; có ba con (lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: bị xử phạt 06 năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm” (bản án hình sự phúc thẩm số 327 ngày 30/5/2000 của Tòa Phúc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng); chấp hành xong bản án ngày 01/9/2002; bị bắt tạm giam ngày 13/8/2014; hủy bỏ biện pháp tạm giam và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 25/9/2014; bắt tạm giam lại ngày 10/12/2014; thay thế biện pháp ngăn chặn (cấm đi khỏi nơi cư trú) ngày 26/01/2015; bắt đi thi hành án ngày 06/7/2017; hủy bỏ quyết định thi hành án và trả tự do ngày 22/9/2017; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Thanh Đ, sinh năm 1959, tại Ninh Hòa, Khánh Hòa; trú tại: thôn P, xã N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ

văn hóa: 8/12; con ông Nguyễn Thanh L và bà Lê Thị G (đều đã chết); chồng là Nguyễn Thế P, sinh năm 1953; có ba con, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 13/8/2014; hủy bỏ biện pháp tạm giam và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 25/9/2014;

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

*** Bị cáo có liên quan đến kháng cáo:**

3. Trần Thị Thanh Ch, sinh năm 1975, tại Ninh Hòa, Khánh Hòa; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Trần Q (chết) và bà Hồ Thị D (chết); chồng là Nguyễn H, sinh năm 1971 (đã ly hôn); có ba con, lớn nhất sinh năm 1994 và nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

*** Người bào chữa:**

Luật sư Trần Quốc T – Văn phòng luật sư Quốc T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Huyền C và Nguyễn Thị Thanh Đ theo yêu cầu của hai bị cáo. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4/2009, các bị cáo Nguyễn Thị Huyền C và Nguyễn Thị Thanh Đ nhờ Nguyễn Thanh A (là em ruột của C, đã chết vào tháng 7/2010) làm chứng minh nhân dân với tên Nguyễn Văn H (cũng là em ruột của C) và Trần Thị Thanh Ch (bạn của A) làm chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Thị Ngọc P (vợ của H) cho phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Văn H, chị Hoàng Thị Ngọc P để tiến hành các thủ tục vay tiền của Ngân hàng.

Sau khi có các chứng minh nhân dân nói trên, Đ cùng A và Ch đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh H và chị P đến Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á, chi nhánh tại Nha Trang ký hợp đồng vay vốn có thể chấp tài sản của bên thứ ba do A và Ch giả danh Nguyễn Văn H và Hoàng Thị Ngọc P và được Ngân hàng TMCP Nam Á cho vay số tiền 200.000.000 đồng (theo hợp đồng tín dụng số 07.09.00161/HĐTDTL-NHNA ngày 03/4/2009). Sau khi nhận được tiền từ Ngân hàng, C và Đ mỗi người giữ 100.000.000 đồng, đã trả đủ gốc và lãi đối với khoản vay này. Sau đó, Đ và C làm giấy xác nhận Hoàng Thị Ngọc P là nhân viên doanh nghiệp Nguyên V có thu nhập hàng tháng là 5.000.000 đồng và tiếp tục sử dụng giấy tờ thể chấp nói trên nhờ A, Ch giả danh anh H, chị P để ký hợp đồng dưới danh nghĩa của anh H, chị P vay 200.000.000 đồng của Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 07.10.00111/HĐTG-NHNA ngày 05/4/2010.

Tính đến ngày 25/7/2011, C và Đ trả cho Ngân hàng được 73.955.330 đồng (tiền gốc và lãi), còn lại số tiền 172.958.970 đồng (gồm 169.336.000 đồng tiền gốc, 3.622.970 đồng tiền lãi, 72.510 đồng lãi quá hạn và 11.440 đồng tiền phạt chậm trả) các bị cáo không có khả năng thanh toán cho ngân hàng. Ngày 28/8/2014, gia đình của các bị cáo đã thanh toán cho Ngân hàng Nam Á số tiền 172.958.970 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 263/KSĐT-XXHS ngày 15/10/2015, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Huyền C, Nguyễn Thị Thanh Đ và Trần Thị Thanh Ch về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự về hành vi chiếm đoạt 172.958.970 đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á.

Tại bản án sơ thẩm số 19/2016/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2016, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã quyết định: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Huyền C 04 năm tù và bị cáo Nguyễn Thị Thanh Đ 04 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh Ch 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo; quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và đương sự.

Ngày 22/01/2016, bị cáo Nguyễn Thị Huyền C có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 25/01/2016, bị cáo Nguyễn Thị Thanh Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Huyền C giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị cáo Nguyễn Thị Thanh Đ thay đổi nội dung kháng cáo, xin được hưởng án treo.

Các bị cáo khai nhận đã nhờ Nguyễn Thanh A, Trần Thị Thanh Ch đi làm chứng minh nhân dân giả mang tên Nguyễn Văn H, Hoàng Thị Ngọc P rồi dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Hòa và chị Phước để thế chấp tài sản, vay tiền của Ngân hàng TMCP Nam Á với số tiền là 200.000.000 đồng, như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu.

Các bị cáo trình bày: Do không hiểu biết pháp luật, suy nghĩ nông cạn, nghĩ cứ làm giả chứng minh nhân dân để vay được tiền rồi sau đó sẽ làm ăn trả nợ sau nên mới phạm tội. Mong Tòa xem xét giảm hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo vì bệnh tật và hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại với lý do: Trong vụ án này tuy các bị cáo có hành vi gian

đổi, nhưng chưa thể hiện rõ ý thức chiếm đoạt tài sản, các bị cáo không có ý thức chiếm đoạt tài sản từ trước. Thực tế, sau khi vay tiền của Ngân hàng, các bị cáo đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng (đã vay tiền để trả khoản vay thứ nhất cho Ngân hàng) nên chưa đủ căn cứ xét xử các bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Bị cáo C khai có đưa cho cán bộ tín dụng Phan Thanh P 15.000.000 đồng nhưng anh P không đóng khoản tiền này vào Ngân hàng nhưng cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ tình tiết này; Hành vi của một số cán bộ công an có liên quan trong việc làm chứng minh nhân dân giả cho Nguyễn Thanh A và Trần Thị Thanh Ch cũng chưa được điều tra làm rõ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm nên có cơ sở xác định: Vì cần vay vốn làm ăn nhưng không có tài sản thế chấp, nên Nguyễn Thị Huyền C và Nguyễn Thị Thanh Đ đã bàn bạc nhờ Nguyễn Văn A và Trần Thị Thanh Ch đi làm giả Giấy chứng minh nhân dân mang tên anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị Ngọc P (do Nguyễn Thị Huyền C đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng anh H và chị P) cho phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của họ để thế chấp vay tiền tại Ngân hàng TMCP Nam Á, chi nhánh Nha Trang (theo hợp đồng tín dụng số 07.10.000111/HĐTDTL-NHNA ngày 05/4/2010 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 07.10.000111/HĐTCBĐS-NHNA). Bằng thủ đoạn gian dối này các bị cáo đã đánh lừa được các nhân viên tín dụng của Ngân hàng để chiếm đoạt được số tiền vay 200.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Nam Á.

Như vậy, trước khi xác lập hợp đồng tín dụng vay vốn (nêu trên), các bị cáo đều biết rõ mình không có khả năng trả nợ, vì thực tế khi đến thời hạn trả nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 07.09.00161 ngày 03/4/2009, các bị cáo đã mất khả năng thanh toán phải vay nóng bên ngoài để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy không có phương án trả nợ cho Ngân hàng, nhưng các bị cáo vẫn tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối để vay tiền, thể hiện ý thức chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đối với khoản tiền vay 200.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Nam Á nên tội phạm đã hoàn thành kể từ khi các bị cáo nhận được số tiền này.

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với số tiền chiếm đoạt là 200.000.000 đồng, nên Tòa án cấp

sơ thẩm đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự để xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật (*Viện kiểm sát cấp sơ thẩm truy tố các bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự với số tiền chiếm đoạt là 172.958.970 đồng*).

Việc xem xét trách nhiệm của những cán bộ công an trong việc làm chứng minh nhân dân cho Nguyễn Thanh A và Trần Thị Thanh Ch mang tên Nguyễn Văn H và Hoàng Thị Ngọc P đã được cấp sơ thẩm trả hồ sơ điều tra bổ sung và Cơ quan điều tra đã kết luận: “*đang tiến hành xác minh, điều tra làm rõ trách nhiệm...sẽ kết luận xử lý sau*”. Cấp sơ thẩm cũng đã kiến nghị nội dung này trong bản án. Mặt khác, kết quả xử lý đối với những cán bộ công an không ảnh hưởng đến việc xem xét trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

Việc bị cáo Châu khai có đưa cho cán bộ tín dụng Phan Thanh P 15.000.000 đồng nhưng anh P không đóng khoản tiền này vào Ngân hàng. Tình tiết này nếu có cũng không ảnh hưởng đến việc xem xét trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

Như vậy, với những nhận định nêu trên không có căn cứ cho rằng việc điều tra ở cấp sơ thẩm là chưa đầy đủ để yêu cầu hủy bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của tổ chức kinh tế, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội và hoạt động kinh doanh của các tổ chức kinh tế. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo để giữ gìn kỷ cương pháp luật và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vì cần tiền vốn để làm ăn và chi tiêu cá nhân mà các bị cáo đã nảy sinh hành vi phạm tội. Trong tổng số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt của Ngân hàng có một phần các bị cáo dùng vào việc mua bán thức ăn chăn nuôi. Sau khi vụ án bị phát hiện và bị khởi tố, các bị cáo đã cùng với gia đình tích cực khắc phục hậu quả, hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của Ngân hàng TMCP Nam Á. Bản thân các bị cáo là nhân dân lao động, suy nghĩ nông cạn, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, chưa có tiền án, tiền sự. Do vậy, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo.

Tuy sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Thị Thanh Ch không kháng cáo. Nhưng xét thấy, trong vụ án này bị cáo có vai trò là đồng phạm giúp sức cho hai bị cáo C và Đ, không được hưởng lợi gì từ số tiền đã chiếm đoạt nên tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo hạn chế hơn hai bị cáo C và Đ. Vì vậy, cũng

cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Ch để bị cáo thấy được sự công bằng của pháp luật mà cố gắng tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Về án phí: Vì kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Huyền C và Nguyễn Thị Thanh Đ; Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thị Huyền C và Nguyễn Thị Thanh Đ và Trần Thị Thanh Ch.

Áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thị Thanh Ch.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Huyền C 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời hạn tạm giam trước đó từ ngày: 13/8/2014 đến ngày 25/9/2014; từ ngày 10/12/2014 đến ngày 26/01/2015 và trừ thời hạn chấp hành án phạt tù từ ngày 06/7/2017 đến ngày 22/9/2017.

- Bị cáo **Nguyễn Thị Thanh Đ 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 13/8/2014 đến ngày 25/9/2014.

- Bị cáo **Trần Thị Thanh Ch 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**. Thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã N, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP.Nha Trang;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Công an TP Nha Trang;
- Chi Cục THADS TP. Nha Trang;
- Bị cáo; Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thúy Phượng